

THÔNG BÁO TUYỂN SINH

TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2021

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ Tiến sĩ năm 2021 như sau:

1. Mục tiêu, chuyên ngành và hình thức đào tạo.

1.1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu đào tạo những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ và hướng dẫn nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

1.2. Chuyên ngành đào tạo và chỉ tiêu

- Chuyên ngành đào tạo: **Tài chính – Ngân hàng**, Mã số: **9.34.02.01**
- Chỉ tiêu: **30**

1.3. Hình thức và thời gian đào tạo

- Việc tổ chức và đào tạo trình độ Tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy, nghiên cứu sinh phải dành ít nhất 12 tháng theo học tập trung liên tục tại cơ sở đào tạo trong giai đoạn 24 tháng đầu, kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh.
- Thời gian đào tạo là 3 năm đối với người có bằng Thạc sĩ và 04 năm đối với người có bằng tốt nghiệp Đại học loại giỏi.

2. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ Tiến sĩ phải đáp ứng được các điều kiện sau:

2.1. Về văn bằng:

- Người có bằng Đại học chuyên ngành đúng và đạt loại giỏi trở lên ;
- Người có bằng Thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc gần với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.

2.1.1 – Chuyên ngành đúng.

Mã số	Tên tiếng Việt
73402	Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm
7340201	Tài chính – Ngân hàng
7340204	Bảo hiểm

Một số chuyên ngành không có tên trùng với chuyên ngành ở trên nhưng được xác định là phù hợp với ngành Tài chính – Ngân hàng khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ Đại học khác nhau dưới 10% tổng số tiết học hoặc tín chỉ của khối ngành Tài chính – Ngân hàng.

2.1.2 - CHUYÊN NGÀNH GẦN

Mã số	Tên tiếng Việt	Mã số	Tên tiếng Việt
73401	Kinh doanh	73403	Kế toán – Kiểm toán
7340101	Quản trị kinh doanh	7340301	Kế toán
7340115	Marketing	7340302	Kiểm toán
7340116	Bất động sản	73404	Quản trị – Quản lý
7340120	Kinh doanh quốc tế	7340401	Khoa học quản lý
7340121	Kinh doanh thương mại	7340403	Quản lý công
7340122	Thương mại điện tử	7340404	Quản trị nhân lực
7340123	Kinh doanh thời trang và dệt may	7340405	Hệ thống thông tin quản lý
		7340406	Quản trị văn phòng
		7340408	Quan hệ lao động
		7340409	Quản lý dự án

Một số chuyên ngành có tên không giống chuyên ngành liệt kê ở trên, được xác định là ngành gần khi chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ Cao học (với người dự tuyển có bằng Thạc sỹ) khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành Tài chính – Ngân hàng trình độ Cao học.

2.1.3 HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

- Đối với Người dự tuyển nghiên cứu sinh có bằng Cử nhân (chưa có bằng Thạc sĩ) chuyên ngành đúng, chuyên ngành phù hợp với chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng học 10 môn trình độ Thạc sĩ, tổng số 38 tín chỉ.

- Đối với người dự tuyển Nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ nhưng chuyên ngành gần với chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng học 03 môn trình độ Thạc sĩ, tổng số 11 tín chỉ

Cụ thể môn học theo chương trình đào tạo hiện hành.

2.2. Về nghiên cứu khoa học:

Người dự tuyển là tác giả của ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đăng trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành có phản biện trong thời hạn 03 năm (36 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

2.3. Về trình độ ngoại ngữ:

2.3.1. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

a. Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc bằng Thạc sĩ do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

b. Bằng tốt nghiệp Đại học các ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

Trường hợp các văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm theo văn bằng công nhận của Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng Giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c. Chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT từ 45 trở lên hoặc Chứng chỉ IELTS (Academic Test) từ 5.0 trở lên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

d. Người dự tuyển đáp ứng quy định tại điểm (a) nêu trên khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm (b) nêu trên khi có bằng tốt nghiệp Đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh;

hoặc có các chứng chỉ tiếng nước ngoài **khác tiếng Anh ở trình độ tương đương** theo quy định tại điểm (c) nêu trên do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển thì phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

Các chứng chỉ tiếng Anh tương đương gồm:

STT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59; PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2; DELF B2 ; Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-2

2.3.2. Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người Nước ngoài.

2.4. Có Nhà khoa học giới thiệu, đánh giá phẩm chất, năng lực chuyên môn và khả năng nghiên cứu:

Người dự tuyển phải có thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, phó Giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đang tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

3. Hồ sơ dự tuyển: Download các mẫu biểu theo địa chỉ: www.khoasdh.buh.edu.vn; tuyensinh.buh.edu.vn.

- 3.1. Đơn đăng ký dự tuyển *(01 bản theo mẫu)*
- 3.2. Bằng tốt nghiệp Đại học *(01 bản sao có công chứng)*
- 3.3. Bảng điểm Đại học *(01 bản sao có công chứng)*
- 3.4. Bằng tốt nghiệp Thạc sĩ *(01 bản sao có công chứng)*
- 3.5. Bảng điểm Thạc sĩ *(01 bản sao có công chứng)*
- 3.6. Lý lịch Khoa học và cá nhân *(01 bản theo mẫu, có đóng dấu giáp lai ảnh)*
- 3.7. Giấy khám sức khỏe của một phòng khám đa khoa
- 3.8. Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân hoặc hộ chiếu (với người nước ngoài) *(01 bản sao có công chứng)*
- 3.9. Chứng chỉ ngoại ngữ *(01 bản có công chứng)*
- 3.10. Bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu (06 bản)
- 3.11. Thư giới thiệu của 01 hoặc 02 nhà khoa học *(theo mẫu)*.
- 3.12. Bảng kê danh mục và bản sao các bài báo khoa học đã công bố (06 bản)
- 3.13. Giấy giới thiệu của cơ quan hoặc xác nhận nhân thân của địa phương nơi cư trú (nếu có)
- 3.14. Phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh *(02 phong bì)*
- 3.15. Phiếu dán ảnh *(dán kèm 02 ảnh cỡ 3x4 mới nhất, không quá 6 tháng)* ghi rõ họ và tên phía sau ảnh
- 3.16. Giấy xác nhận văn bằng tương đương đối với trường hợp do CSGD nước ngoài cấp
(Các giấy tờ trên nếu bằng ngôn ngữ nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt có công chứng)

4. Hình thức tuyển sinh : Xét tuyển

Quy trình xét tuyển như sau:

- Người dự tuyển trình bày bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu trước Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Các thành viên tiểu ban chuyên môn đặt câu hỏi để thí sinh trả lời về các vấn đề liên quan đến nội dung bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu.
- Tiểu ban chuyên môn đánh giá người dự tuyển trên cơ sở: kết quả đào tạo trình độ Đại học, Thạc sĩ; trình độ ngoại ngữ; kết quả nghiên cứu khoa học; bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu; năng lực và phẩm chất của người dự tuyển.

5. Học phí, lệ phí và thời gian xét tuyển, địa chỉ liên hệ

- Học phí của hệ đào tạo Tiến sĩ năm học 2020 - 2021 là: 24.500.000 đồng/năm. Thông báo chính thức mức học phí năm học 2021 - 2022 dự kiến sẽ được ban hành vào tháng 8 năm 2021 trên Website Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM.
- Lệ phí dự tuyển **200.000 đồng**; Lệ phí hồ sơ dự tuyển đầu vào: **60.000 đồng**
- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày **30/10/2021**
- Đăng thông báo tuyển sinh trong tháng **4/2021**
- Thời gian xét tuyển :
 - + **Đợt 1:** Dự kiến **15/7/2021**
 - + **Đợt 2:** Dự kiến **15/11/2021**

Thời gian cụ thể sẽ thông báo cho người dự tuyển tại trang web và qua email.

- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: Sau 10 ngày kể từ ngày xét tuyển
- Thời gian khai giảng: Sau 30 ngày kể từ ngày xét tuyển

Thông báo danh sách ứng viên dự tuyển, ngày xét tuyển, kết quả xét tuyển được đăng trên website của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM: Tuyensinh.buh.edu.vn; <http://www.khoasdh.buh.edu.vn>

- Nơi nhận hồ sơ: Khoa Sau Đại học – Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (Tầng sảnh, 36 Tôn Thất Đạm, Q.1, TP. Hồ Chí Minh).

Mọi vấn đề liên quan đến xét tuyển nghiên cứu sinh năm 2020 của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh vui lòng liên hệ: Khoa Sau Đại học – Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (Tầng sảnh, 36 Tôn Thất Đạm, Q.1, TP. Hồ Chí Minh), điện thoại: (028) 38.212.590, Fax: (028) 38.212.584, Email: khoasaudaihoc@buh.edu.vn; Cô Hà: 0938 249 679.

Nơi nhận

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để báo cáo);
- Các ngân hàng, Tổ chức tài chính, Doanh nghiệp;
- Website Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM;
- Phòng Quản lý công nghệ thông tin;
- Báo tuổi trẻ;
- Các Trường Đại học, Viện nghiên cứu
- Lưu: VP, Khoa SDH

HIỆU TRƯỞNG 



Bùi Hữu Toàn



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TP. HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

Tôi tên là:

Ngày, tháng, năm sinh:

Quốc tịch:

Chỗ ở hiện nay:

Nghề nghiệp:

Đơn vị công tác:.....

.....

Tốt nghiệp Đại học chuyên ngành:

(1).....Năm:.....

(2).....Năm:.....

Tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành:

(1).....Năm:.....

(2)Năm:.....

Học bổ sung túc kiến thức chuyên ngành (nếu có):

Nay tôi làm đơn đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh chuyên ngành: Tài chính, ngân hàng,
tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Đề xuất người hướng dẫn 1.....

Đề xuất người hướng dẫn 2:

(Trường hợp chưa có người hướng dẫn thì người dự tuyển để trống, Trường sẽ sắp xếp sau)

Nếu được xét tuyển tôi xin cam đoan: những thông tin trên là đúng sự thật, tuyệt đối chấp hành quy chế đào tạo tuyển sinh sau Đại học của Bộ Giáo dục & Đào tạo Việt Nam và nội quy của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.

Tỉnh/Tp.....ngày.....tháng.....năm.....

XÁC NHẬN NGƯỜI HƯỚNG DẪN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI VIẾT ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)



LÝ LỊCH KHOA HỌC VÀ CÁ NHÂN
(Dùng cho nghiên cứu sinh)

Ảnh 3x4
(đóng dấu
giáp lại trên
ảnh)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC:

Họ và tên: Giới tính:
Tên phiên âm (nếu là người nước ngoài):
Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:
Quốc tịch:
Quê quán: Dân tộc:
Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:
.....
.....
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:
.....
Điện thoại cơ quan: Điện thoại nhà riêng:
Fax: Email:

II. QUAN HỆ GIA ĐÌNH:

1. Họ và tên mẹ: Nghề nghiệp: Năm sinh:
2. Họ và tên Cha: Nghề nghiệp: Năm sinh:
3. Họ và tên, vợ (chồng): Nghề nghiệp: Năm sinh:
4. Họ và tên con (nếu có):

III. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Đại học:

Hệ đào tạo:
Thời gian đào tạo từ: / / đến / /
Nơi học (trường, thành phố, Quốc gia):
Ngành học:
Tên đồ án, luận án hoặc thi tốt nghiệp: thi tốt nghiệp môn:
.....

Ngày và nơi bảo vệ đề án, luận án hoặc thi tốt nghiệp

.....

Người hướng dẫn

2. Bổ túc hoặc hoàn chỉnh kiến thức:

Hệ đào tạo:

Thời gian đào tạo từ:/...../.....đến/...../.....

Nơi học(trường, thành phố, Quốc gia) ..

Ngành học:

Số môn bổ túc hoặc hoàn chỉnh kiến thức:

Giấy chứng nhận số:..... cấp ngày:

3. Thạc sĩ:

Thời gian đào tạo từ:/...../.....đến/...../.....

Nơi học(trường, thành phố, Quốc gia) ..

Ngành học:

Tên luận văn:

.....

Ngày và nơi bảo vệ.....tại

Người hướng dẫn

4. Tiến sĩ:

Hình thức đào tạo:

Thời gian đào tạo từ:/...../.....đến/...../.....

Nơi học (trường, thành phố, Quốc gia) ..

Tên luận án:

.....

.....Người hướng dẫn

Ngày và nơi bảo vệ.....

5. Trình độ ngoại ngữ (biết ngoại ngữ gì, mức độ):

.....

6. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp; số bằng, ngày và nơi cấp:

.....

.....

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhận

IV. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ: (Ghi rõ tên công trình, nơi công bố, ngày tháng năm, số tài liệu công bố. Nếu không có ghi rõ là không có công trình):

- 1.....
 .
 2.....
 .

Tỉnh/Tp.....,ngày.....tháng.....năm.....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÔNG TÁC
 HOẶC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

(Ký tên đóng dấu)

Người khai
 (ký tên và ghi rõ Họ tên)



ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU SƠ BỘ VỀ DỰ ĐỊNH NGHIÊN CỨU CỦA THÍ SINH

Đề cương về dự định nghiên cứu cần phản ánh trí tuệ, những điểm mạnh và tích cực của người viết, trình bày bằng một văn phong trong sáng, rõ ràng, qua đó cung cấp một hình ảnh rõ nét về thí sinh, với những thông tin mới mẻ (không lặp lại những thông tin có thể thấy trong hồ sơ như kết quả học tập, nghiên cứu...). Đề cương dài 10 - 15 trang, gồm những nội dung chính sau đây:

1. Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu.
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài
3. Mục tiêu nghiên cứu
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu
5. Phương pháp nghiên cứu.
6. Ý nghĩa đề tài.
7. Tiến độ thực hiện.
8. Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn.
9. Kinh nghiệm (về nghiên cứu, thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác); kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề dự định nghiên cứu
10. Lý do chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự tuyển)
11. Đề xuất người hướng dẫn (nếu có)

Một số nội dung cụ thể xem hướng dẫn sau đây:

HƯỚNG DẪN VIẾT ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU CỦA ỨNG VIÊN DỰ TUYỂN ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo tuyển sinh trình độ Tiến sĩ số/TB-ĐHNH ngày
/.../2021)

Đề cương nghiên cứu là một phác thảo sơ bộ về đề tài nghiên cứu mà ứng viên dự định thực hiện nếu trúng tuyển vào chương trình đào tạo Tiến sĩ. Trong đề cương nghiên cứu, ứng viên xác định chủ đề nghiên cứu một cách mạch lạc, thể hiện rõ năng lực của ứng viên trong việc thực hiện nghiên cứu và mức độ phù hợp của đề tài với chuyên ngành mà ứng viên dự xét tuyển. Đề cương nghiên cứu được trình bày theo cấu trúc sau:

1. Tên đề tài

Tên đề tài nghiên cứu phải thể hiện nội dung một lĩnh vực nghiên cứu lựa chọn. Tên đề tài cần rõ ràng, càng ngắn gọn càng tốt, thể hiện được bản chất của vấn đề dự định nghiên cứu; cố gắng tránh các cụm từ như “Thực trạng, Giải pháp, Hoàn thiện”.

2. Lý do lựa chọn đề tài nghiên cứu

Trong phần này, ứng viên trình bày rõ ràng và mạch lạc lý do tại sao cần phải thực hiện đề tài nghiên cứu dự định. Cụ thể, ứng viên cần thảo luận tầm quan trọng/ tính mới/ tính thực tiễn/ sự phù hợp của đề tài nghiên cứu xét trên ba góc độ: góc độ học thuật, góc độ thực tiễn và góc độ chính sách/ giải pháp/ kiến nghị.

3. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài

Mục tiêu của phần này là chứng minh khoảng trống tri thức trong lĩnh vực nghiên cứu (research gap) mà đề tài luận án được thực hiện sẽ góp phần lấp một phần (hoặc toàn bộ) khoảng trống tri thức đó. Từ đó, ứng viên xác định mục tiêu nghiên cứu và phát triển thành câu hỏi nghiên cứu. Trong nghiên cứu thực nghiệm, từ câu hỏi nghiên cứu tác giả có thể phát triển thành giả thuyết nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu này sẽ được kiểm định bằng phương pháp nghiên cứu và phương pháp phân tích số liệu phù hợp.

Để chỉ ra khoảng trống tri thức (hoặc sự thiếu hụt tri thức/kiến thức) trong lĩnh vực chuyên môn, ứng viên khảo lược những tri thức/hiểu biết đã có, bao gồm các kiến thức học thuật cũng như kết quả nghiên cứu của các nghiên cứu lý thuyết cũng như nghiên cứu thực nghiệm đã được thực hiện trước đây. Việc khảo lược những tri thức/ hiểu biết đã có không phải đơn thuần là trình bày tóm tắt các kết quả nghiên cứu của các nghiên cứu trước đây

một cách riêng biệt, mà cần trình bày có chọn lọc, phân tích và thảo luận khách quan vấn đề then chốt liên quan trực tiếp đến đề tài. Trong phần thảo luận, cần nêu rõ hạn chế của

các nghiên cứu trước đây hoặc chỉ ra những nội dung mà các nghiên cứu trước đây chưa đề cập hoặc nghiên cứu chưa sâu hoặc cách tiếp cận chưa phù hợp hoặc hạn chế về số liệu. Có thể hình dung phần tổng quan học thuật như là một bức tranh phản ánh lĩnh vực nghiên cứu, trong đó có những phần của bức tranh đã rõ ràng và có những phần chưa rõ ràng. Những phần chưa rõ ràng chính là khoảng trống tri thức/hiểu biết mà đề tài nghiên cứu sẽ được thực hiện để khắc phục khoảng trống này. Chính vì vậy, đề tài nghiên cứu không trùng lặp hoặc không trùng lặp hoàn toàn với các nghiên cứu đã được công bố. Các nghiên cứu trước đây được đưa vào trong phần tổng quan học thuật cần có tính cập nhật, bao gồm các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan, công bố khoảng 5-10 năm tính đến thời điểm thực hiện luận văn/luận án, kết hợp cả hai góc độ: nền tảng lý thuyết và bằng chứng thực nghiệm.

Ngoài việc chỉ ra khoảng trống tri thức trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, phần tổng quan vấn đề nghiên cứu được thực hiện tốt và thấu đáo còn cung cấp khung phân tích cho nghiên cứu của đề tài.

4. Mục tiêu nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát (mục đích nghiên cứu): Nêu được mục tiêu cuối cùng, chung nhất của vấn đề nghiên cứu là nhằm giải quyết vấn đề gì cho thực tiễn hoặc cho nghiên cứu khoa học.

Mục tiêu cụ thể: Xác định một số mục tiêu cụ thể cần đạt được để đạt được mục tiêu tổng quát.

Thông thường, một mục tiêu nghiên cứu phát triển thành một câu hỏi nghiên cứu và một câu hỏi nghiên cứu có thể chia nhỏ thành các câu hỏi nghiên cứu nhỏ hơn.

5. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là bản chất của sự vật và hiện tượng cần được xem xét và làm rõ trong nhiệm vụ nghiên cứu. Cần phân biệt giữa đối tượng nghiên cứu và đối tượng khảo sát.

Đối tượng khảo sát là một bộ phận đại diện của khách thể nghiên cứu mà người nghiên cứu lựa chọn để xem xét. Khách thể nghiên cứu có thể được hiểu là hệ thống sự vật tồn tại khách quan trong các mối liên hệ mà người nghiên cứu cần khám phá, là nơi chứa đựng đối tượng nghiên cứu. Thông thường, người nghiên cứu không đủ nguồn lực

(thời gian và kinh phí) để thực hiện khảo sát trên toàn bộ khách thể nghiên cứu để tìm ra bản chất của sự vật và hiện tượng.

Phạm vi nghiên cứu đề cập đến những giới hạn về không gian và thời gian của đối tượng khảo sát. Phạm vi không gian liên quan đến việc xác định vùng hoặc địa bàn nghiên cứu cụ thể. Phạm vi thời gian là việc xác định khoảng thời gian thực hiện nghiên cứu hoặc khoảng thời gian của bộ dữ liệu sơ cấp/thứ cấp được sử dụng để phục vụ nghiên cứu.

6. Phương pháp nghiên cứu

Trong phần này, ứng viên cần chỉ rõ phương pháp nghiên cứu và nguồn số liệu mà luận văn sẽ sử dụng để tìm câu trả lời cho câu hỏi nghiên cứu đặt ra. Cụ thể: (i) Trình bày tính phù hợp của phương pháp nghiên cứu được lựa chọn và chỉ rõ phương pháp nghiên cứu được lựa chọn có thể giúp trả lời các câu hỏi nghiên cứu đặt ra như thế nào; (ii) Mô tả mô hình nghiên cứu (nếu có), mô tả các biến, cách thức đo lường các biến và nguồn số liệu, số liệu thứ cấp, số liệu sơ cấp và cách thức điều tra chọn mẫu và thu thập số liệu; (iii) Mô tả tóm tắt quá trình xử lý và phân tích số liệu (quy trình phân tích số liệu và kiểm định các giả thuyết).

Việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng, quyết định giá trị của các kết quả nghiên cứu của đề tài. Thông thường, cơ sở lựa chọn của phương pháp nghiên cứu là phần khảo lược các phương pháp nghiên cứu đã được thực hiện trong các nghiên cứu trước có liên quan. Trong một luận văn có thể áp dụng nhiều phương pháp phân tích số liệu khác nhau để trả lời cho các câu hỏi khác nhau.

7. Ý nghĩa của đề tài

Trong phần này, ứng viên trình bày luận điểm (tranh luận chính) sẽ được chứng minh trong đề tài và những đóng góp của đề tài, bao gồm các đóng góp về mặt học thuật giúp làm giàu tri thức (hiểu biết) trong lĩnh vực nghiên cứu hay góp phần giải quyết vấn đề thực tiễn.

8. Tiến độ thực hiện đề tài

Trong phần này, ứng viên trình bày kế hoạch nghiên cứu, trong đó nêu rõ từng nhiệm vụ nghiên cứu cần thực hiện và mốc thời gian hoàn thành.

THƯ GIỚI THIỆU CỦA NHÀ KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên Tiến sĩ)

Họ và tên nhà khoa học:.....

Tên phiên âm:.....

Ngày sinh: - Nơi sinh:

Giới tính:.....

Học hàm, học vị:

Địa chỉ liên lạc:.....

Số điện thoại: Email:

Đơn vị công tác:

Người được giới thiệu (tên ứng viên):

Đơn vị công tác:

Dự tuyến nghiên cứu sinh ngành: Tài chính, ngân hàng

Đề tài nghiên cứu của ứng viên:

.....
.....

Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu:

Đề tài có ý nghĩa như thế nào:.....

Tôi có ý kiến về năng lực học tập, nghiên cứu khoa học và phẩm chất, đạo đức của ứng viên như sau:

- Năng lực học tập:

.....

- Khả năng nghiên cứu:

.....

.....

- Phẩm chất đạo đức:

.....

Kết luận:

.....

Tỉnh/Tp....., ngày.....tháng.....năm.....

Người giới thiệu

Mẫu 5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HCM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

BIÊN NHẬN HỒ SƠ DỰ TUYỂN TIẾN SĨ
NĂM 2021 – SỐ :.....

I. Thông tin cá nhân: (Phần này **thí sinh ghi** trước khi nộp hồ sơ)

Chuyên ngành đăng ký dự tuyển:

Họ và tên:.....Nam, Nữ:.....

Ngày sinh:...../...../.....Nơi sinh (ghi tên tỉnh hoặc thành phố):.....

Địa chỉ liên hệ :

Email:.....

Điện thoại liên hệ:

II. Hồ sơ dự tuyển: (Phần này **người nhận hồ sơ ghi** khi nhận hồ sơ)

Hồ sơ gồm:

1. Đơn xin dự tuyển (01 bản theo mẫu) ☐
2. Bằng tốt nghiệp Đại học (01 bản sao có công chứng) ☐
3. Bảng điểm Đại học (01 bản sao có công chứng) ☐
4. Bằng tốt nghiệp Thạc sĩ (01 bản sao có công chứng) ☐
5. Bảng điểm Thạc sĩ (01 bản sao có công chứng) ☐
6. Lý lịch Khoa học và cá nhân (01 bản theo mẫu, có đóng dấu giáp lai ảnh) ☐
7. Giấy khám sức khỏe của một phòng khám đa khoa..... ☐
8. Chứng minh nhân dân (01 bản sao có công chứng) ☐
9. Chứng chỉ ngoại ngữ (01 bản có công chứng); Loại chứng chỉ Điểm/XL:..... ☐
10. Bài luận về dự định nghiên cứu và đề cương nghiên cứu (06 bản)..... ☐
11. Thư giới thiệu của 02 nhà khoa học (theo mẫu). (mỗi Thư 6 bản)..... ☐
12. Bảng kê danh mục và bản sao các bài báo khoa học đã công bố (06 bản)..... ☐
13. Giấy giới thiệu của cơ quan hoặc xác nhận nhân thân của địa phương nơi cư trú... ☐
14. Phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh (02 phong bì)..... ☐
15. Phiếu dán ảnh (dán kèm 3 ảnh cỡ 3x4 mới nhất, không quá 6 tháng) ☐
16. Giấy xác nhận văn bằng tương đương đối với trường hợp do CSGD nước ngoài cấp..... ☐
17. Biên lai nộp lệ phí dự tuyển ☐

* **Tổng cộng:**.....loại

TP. HCM, ngàytháng.....năm 2021
Người nhận hồ sơ

Ghi chú: . Người dự tuyển nếu không nộp lệ phí xét tuyển, hồ sơ xem như không hợp lệ.

**DANH MỤC TẠP CHÍ ĐƯỢC CHẤP NHẬN TÍNH ĐIỀU KIỆN BÀI BÁO
KHOA HỌC CHO THI SINH NGHIÊN CỨU SINH DỰ TUYỂN 2021
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HCM**

(Xây dựng dựa trên Danh mục các tạp chí được tính điểm công trình, ban hành theo Văn bản Quy phạm pháp luật và tài liệu hướng dẫn xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư, Phó giáo sư năm 2017 của Hội đồng CDGSNN)

Ngành kinh tế

ST T	Tên tạp chí	Mã số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế		SCI, SCIE ISI, Scopus		0 - 2,0 0 - 1,5
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác do Hội đồng Chức danh giáo sư ngành quyết định		Tạp chí		0 - 1,0
3.	Báo cáo khoa học tại Hội nghị Khoa học quốc gia và quốc tế đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings) có phản biện khoa học và có chỉ số ISBN		Kỷ yếu		0 - 1,0
4.	Các tạp chí khoa học về chủ đề Kinh tế, Quản lý và Kinh doanh của các trường Đại học nước ngoài		Tạp chí		0 - 1,0
5.	Journal of Economic Development	1859– 1116	Tạp chí	Trường ĐH KT TP HCM	0 - 1,25 (từ 2017, trước đó 0 - 1,0)
6.	Phát triển kinh tế	1859– 1116	Tạp chí	Trường ĐH KT TP HCM	0 - 1,0
7.	Journal of Economics and Development	1859– 0012	Tạp chí	Trường ĐH KTQD	0 - 1,25 (từ 2017, trước đó 0 - 1,0)
8.	Kinh tế và phát triển	1859– 0012	Tạp chí	Trường ĐH KTQD	0 - 1,0
9.	Nghiên cứu kinh tế	0866– 7489	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 1,0

10.	Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới (tên cũ: Những vấn đề Kinh tế Thế giới)	0868–2984	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 1,0
11.	Khoa học Thương mại	1859–3666	Tạp chí	Trường Đại học Thương Mại	0 - 1,0 (từ 2017, trước đó: 0-0,75)
12.	Các tạp chí khoa học thuộc khối khoa học Kinh tế, quản lý và Kinh doanh của các trường ĐH Quốc gia HN, ĐH Quốc gia TP.HCM, ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế và các trường ĐH khác		Tạp chí		0 - 0,5
13.	Công nghệ Ngân hàng (chỉ tính đối với các bài nghiên cứu khoa học)	1859–3682	Tạp chí	Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM	0 - 0,5
14.	Quản lý Nhà nước	0868–2828	Tạp chí	HV Hành chính Quốc gia	0 - 0,5
15.	Khoa học & Đào tạo ngân hàng	1859–011X	Tạp chí	Học viện Ngân hàng	0 - 0,5
16.	Kế toán và kiểm toán	1859–1914	Tạp chí	Hội Kế toán và Kiểm toán VN	0 - 0,5
17.	Cộng sản	0866–7276	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản VN	0 - 0,5
18.	Kinh tế – Dự báo	0866–7120	Tạp chí	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0 - 0,5
19.	Ngân hàng (tên cũ: Thông tin KH Ngân hàng)	0866–7462	Tạp chí	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0 - 0,5
20.	Vietnam's Socio-Economic Development	0868–359X	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
21.	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868–2739	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
22.	Kiểm toán	0868–3227	Tạp chí	Kiểm toán Nhà nước	0 - 0,5
23.	Công thương (tên cũ: Công nghiệp hoặc	0866-	Tạp chí	Bộ Công	0 - 0,5

	Thương mại)	7756 0868–3778 0866–7500		thương	
24.	Tài chính	005–56	Tạp chí	Bộ Tài chính	0 - 0,5
25.	Thị trường Tài chính tiền tệ	1859–2805	Tạp chí	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam	0 - 0,5
26.	Thuế Nhà nước	1859–0756	Tạp chí	Tổng cục Thuế	0 - 0,5
27.	Vietnam Banking Review	0866–7462	Tạp chí	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	0 - 0,5
28.	Vietnam Economic Review	0868–2984	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
29.	Thống kê (Con số và Sự kiện)	0866–7322	Tạp chí	Tổng cục Thống kê	0 - 0,5
30.	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0866–7020	Tạp chí	Bộ Nông nghiệp & PTNT	0 - 0,5
31.	Châu Mỹ ngày nay	0868–3654	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
32.	Du lịch Việt Nam	0866–7373	Tạp chí	Tổng cục Du lịch	0 - 0,5
33.	Bảo hiểm xã hội	1859–2562	Tạp chí	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam	0 - 0,5
34.	Lao động xã hội	0866–7643	Tạp chí	Bộ Lao động, Thương binh & XH	0 - 0,5
35.	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	1859–0519	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
36.	Nghiên cứu Đông Bắc Á	0868–3646	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5

37.	Hoạt động Khoa học	0866–7152	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 0,5
38.	Nghiên cứu Châu Âu	0868–3581	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
39.	Nghiên cứu quốc tế	1859–0608	Tạp chí	Học viện Quan hệ quốc tế	0 - 0,5
40.	Nghiên cứu Trung Quốc	0868–3670	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
41.	Khoa học Chính trị	1859–0187	Tạp chí	HV Chính trị Quốc gia HCM (Phân viện TP.HCM)	0 - 0,5
42.	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương	0868–3808	Tạp chí	Trung tâm Kinh tế Châu Á - TBD	0 - 0,5
43.	Quản lý Kinh tế	1859–039X	Tạp chí	Viện NC Quản lý KT Trung ương	0 - 0,5
44.	Quản lý Ngân quỹ quốc gia	1859–4999	Tạp chí	Kho Bạc Nhà nước	0 - 0,5
45.	Khoa học	1859–3453	Tạp chí	Trường Đại học Mở TP. HCM	0 - 0,5
46.	Khoa học và công nghệ (chỉ lấy bài về kinh tế)	1859–3712	Tạp chí	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	0 - 0,5
47.	Kinh tế đối ngoại	1859–4050	Tạp chí	Trường Đại học Ngoại thương	0 - 0,5
48.	Nghiên cứu Tài chính-Kế toán	1859–4093	Tạp chí	Học viện Tài chính	0 - 0,5
49.	Phát triển và Hội nhập	1589–428X	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế - Tài chính TP.HCM	0 - 0,5

50.	Khoa học và công nghệ (chỉ lấy bài về kinh tế)	1859–3585	Tạp chí	Trường ĐH Công nghiệp HN	0 - 0,5
51.	Thông tin và Dự báo Kinh tế xã hội	1859–0764	Tạp chí	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0 - 0,25
52.	Kinh tế và Quản lý	1859–4565	Tạp chí	Học viện Chính trị QG HCM	0 - 0,5 (từ 2016, trước đó 0 - 0,25)
53.	Khoa học và công nghệ Lâm nghiệp (chỉ lấy bài về kinh tế)	1859–3828	Tạp chí	Trường ĐH Lâm nghiệp	0 - 0,25
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2015 trở đi					
54.	Khoa học Kinh tế	0866-7969	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế, ĐH Đà Nẵng	0 - 0,5
55.	Lý luận Chính trị	0868-2771	Tạp chí	Học viện Chính trị QG HCM	0 - 0,5
56.	Kinh tế Kỹ thuật	0866-7802	Tạp chí	Trường ĐH KT-KT Bình Dương	0 - 0,25
57.	Thanh tra Tài chính	2354-0885	Tạp chí	Bộ Tài chính	0 - 0,25
58.	Giáo dục lý luận	0868-3492	Tạp chí	Học viện Chính trị Quốc gia HCM Khu vực 1	0 - 0,25
59.	Khoa học công nghệ	0866-7896	Tạp chí	Trường ĐH Kinh tế kỹ thuật công nghiệp	0 - 0,25
60.	Khoa học công nghệ Việt Nam (B)	1859-4794 61	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 - 0,25
61.	Nhân lực Khoa học xã hội	0866-756X	Tạp chí	Học viện Khoa học xã hội	0 - 0,25

Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2016 trở đi					
62.	Khoa học	1859-2333	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 - 0,5
63.	Khoa học Nông nghiệp Việt Nam(trước đây là Tạp chí Khoa học và phát triển)	1859-0004	Tạp chí	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	0 - 0,75 (từ 2017, trước đó 0 - 0,5)
64.	Kinh tế và phát triển	1859-1388		Chuyên san Đại học Huế	0 - 0,5
65.	Phát triển bền vững vùng	2354-0729	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
66.	Khoa học xã hội Việt Nam	1013-4328	Tạp chí	Nam Viện Hàn lâm KHXH Việt	0 - 0,5
67.	Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á	0866-7314	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,5
68.	Nghiên cứu kiểm toán	1859-1671	Tạp chí	Kiểm toán nhà nước	0 - 0,25
Tạp chí chỉ được tính điểm từ 2017 trở đi					
69.	Khoa học Đại học Thủ Dầu Một	1859-4433	Tạp chí	Trường ĐH Thủ Dầu Một	0 - 0,25
70.	Khoa học	1859-4816	Tạp chí	Trường ĐH Trà Vinh	0 - 0,25
71.	Khoa học	0866-8086	Tạp chí	Trường ĐH An Giang	0 - 0,25
72.	Khoa học Đại học Đà Lạt	0866-787X		Trường ĐH Đà Lạt	0 - 0,25
73.	Khoa học Đại học Hải Phòng	1859-2368	Tạp chí	Trường ĐH Hải Phòng	0 - 0,25
74.	Nghiên cứu Tài chính - Marketing	1859-3690	Tạp chí	Trường ĐH Tài chính - Marketing	0 - 0,25

75.	Khoa học Đại học Văn Hiến	1859-2961	Tạp chí	Trường ĐH Văn Hiến	0 - 0,25
76.	Khoa học Xã hội miền Trung	1859-2635	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 - 0,25
77.	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 - 0,75